

Bản án số: 81/2022/HSPT
Ngày 28 tháng 10 năm 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán:

Bà **Huỳnh Thị Kiều Anh**

Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Quan Tuấn Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo Võ Thanh D cùng các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. *Họ và tên:* **VÕ THANH D**, sinh năm 1975, tại tỉnh Sóc Trăng.

Tên gọi khác: D Tiền Giả

Nơi cư trú: Ấp Ninh T, xã Ninh Q, huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành T (chết) và bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1949; bị cáo có vợ tên Bùi Thị B, sinh năm 1974 và 02 người con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/02/2003, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 13 năm tù về tội “*Tàng trữ, lưu hành tiền giả*”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 13/4/2019 (có mặt).

2. *Họ và tên:* **BÙI HOÀNG H**, sinh năm 1982, tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp P, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu; Tạm trú: Ấp Long Đ, thị trấn Phước L, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn R, sinh năm 1942 và bà Huỳnh Thị T (chết); bị cáo có vợ tên Trịnh Mộng T, sinh năm 1987; có 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 (có mặt).

3. *Họ và tên:* **HUỖNH V**, sinh năm 1989, tại tỉnh Bạc Liêu.

Tên gọi khác: V A

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Phú T, xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1968; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang chấp hành bản án số: 01/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại Trại giam Cái Tàu, Bộ Công an (có mặt).

4. *Họ và tên:* **PHẠM VĂN ĐỒNG T**, sinh năm 1995, tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp P, xã Vĩnh Phú Đ, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1965; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo bị phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị cáo không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập, họ và tên: **NGUYỄN GIANG C**, (C Móm) sinh năm 2000, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp Mỹ Phú Đ, xã Vĩnh H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu;

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh D: Bà **Tạ Nguyệt Thanh** và ông **Lê Hoàng Nhân** là luật sư của Công ty luật Hợp danh Tạ Nguyệt Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Hoàng H: Ông **Lữ Minh Thuận** là luật sư của Công ty luật Hợp danh Tạ Nguyệt Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Điều tra viên, thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Phước L:

1. Nguyễn Duy C (vắng mặt).

2. Nguyễn Văn T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Võ Thanh D biết Bùi Hoàng H làm Trưởng Công an xã nên đã nhờ H tìm mua súng cho D. Bùi Hoàng H đồng ý và nhờ Phạm Văn Đồng T biết ai bán súng thì giới thiệu cho mình.

Khoảng giữa tháng 3/2019, khi Nguyễn Giang C đến nhà Huỳnh V tại ấp Mỹ Phú T, xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu thì gặp Phạm Văn Đồng T và nói ông nội C (tên Nguyễn Minh T) có khẩu súng. Lúc này, T hỏi C bán khẩu súng không thì C đồng ý bán nên T đã nói lại cho H biết. Khoảng 03 ngày sau, Nguyễn Giang C lén lấy khẩu súng của ông T bỏ vào cái bọc nylon màu đen rồi mang đến nhà Cao Trọng N tại ấp Mỹ T, xã Vĩnh H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu để cất giấu. Sau đó, C điện thoại cho V nhờ hỏi T việc mua súng thì T kêu mang qua nhà Huỳnh V.

Sau đó, Nguyễn Giang C điều khiển xe đến nhà N lấy khẩu súng. Lúc này, T điện thoại cho H nói “*anh chạy qua nhà anh V đi, thằng bán súng qua rồi*”, do Bùi Hoàng H không biết nhà V nên kêu đem khẩu súng qua nhà của H. Do đó, T và C mang khẩu súng

đến nhà H. Đến nơi, T, C và H đi ra sau vườn, T đưa khẩu súng cho H và nói bán với giá 6.000.000 đồng. Bùi Hoàng H xem súng xong trả lời không có tiền, có gì liên lạc sau nên C và T ra về, mang khẩu súng gửi tại nhà V.

Ngày hôm sau, Bùi Hoàng H điện thoại cho Võ Thanh D nói “*có người bán khẩu súng với giá 5.000.000 đồng, ông có mua không?*”; D đồng ý và kêu qua nhà lấy tiền. Sau đó, H thỏa thuận với C mua khẩu súng với giá 4.000.000 đồng (H lấy 1.000.000 đồng chi xài riêng) và C đồng ý bán súng cho H.

Bùi Hoàng H điều khiển xe đến nhà Võ Thanh D lấy 5.000.000 đồng rồi cùng T qua nhà Huỳnh V. Tại đây, Nguyễn Giang C, Huỳnh V, Phạm Văn Đồng T và Bùi Hoàng H lên nhà trước, H đưa số tiền 4.000.000 đồng cho Huỳnh V, V lấy tiền đếm xong đưa lại cho C rồi đi ra nhà sau chỉ vào cái cặp da màu đen, đặt dưới gầm bàn để H lấy khẩu súng giao cho Võ Thanh D.

Ngày 28/3/2019, Huỳnh V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phước L bắt quả tang vì có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, qua làm việc bị cáo V tự nguyện khai báo sự việc mua bán khẩu súng tại nhà của mình như đã nêu trên.

Sau khi bị bắt, Bùi Hoàng H đã điện thoại vào số 0911.442.233 của Võ Thanh D kêu D giao nộp khẩu súng cho Cơ quan điều tra. Nội dung cuộc nói chuyện giữa H và D đã được Cơ quan điều tra ghi âm lại và trích xuất, lưu trữ vào USB.

Vào ngày 05/4/2019 và ngày 07/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phước L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Hoàng H thu giữ 01 cây dao tự chế bằng kim loại, màu đen, dài 80cm, một bề lưỡi, mũi dao nhọn, phần cán dao bằng kim loại, hình tròn, có đường kính 02cm, dài 20cm, phần lưỡi dao dài 60cm, rộng 05cm; 01 bán súng bằng gỗ, chiều dài 74 cm, không có đạn, không có hộp tiếp đạn, không có nòng súng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Võ Thanh D thu giữ một viên đạn bằng kim loại, dài 2,3cm, đầu đạn bằng chì, màu đen dài 0,8cm, thân đạn màu vàng đồng dài 1,5cm, đường kính viên đạn rộng 0,5cm; 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, có gắn ốp lưng màu nâu và sim số 0889956727.

Tại Bản kết luận giám định số: 2022/C09B ngày 09/4/2019, của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“Khẩu súng ngắn gửi giám định là vũ khí quân dụng, thuộc loại súng ngắn bán tự động Colt M1911A1 (hay Colt 45), xuất xứ Mỹ, cỡ nòng 11,43mm, bắn đạn cỡ (11,43x23mm), sử dụng để tiêu diệt mục tiêu trong phạm vi 50m.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh D (D Tiền Giả), Huỳnh V (V A) phạm tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”, các bị cáo Nguyễn Giang C (C Móm), Bùi Hoàng H và Phạm Văn Đồng T, phạm tội “*Mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 304; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh D (D Tiền Giả) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh V (V A) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Giang C (C Móm) 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 12/4/2019 và được đối trừ thời gian bị cáo đã tự nguyện đi chấp hành án từ ngày 24/9/2020 đến ngày 07/10/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đồng T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nộp tiền thu lợi bất chính; án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2022 bị cáo Phạm Văn Đồng T kháng cáo xin giảm án và được hưởng án treo.

Ngày 04/8/2022 bị cáo Huỳnh V kháng cáo xin giảm án; Bị cáo Võ Thanh D, Bùi Hoàng H kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

Đối với nội dung kháng cáo: Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu xử phạt các bị cáo Võ Thanh D, Huỳnh V về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”, các bị cáo Bùi Hoàng H, Phạm Văn Đồng T về tội “*Mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội; Giai đoạn phúc thẩm bị cáo Huỳnh V có cung cấp chứng cứ mới thể hiện bà nội bị cáo là người có công với cách mạng nên đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh D, Bùi Hoàng H, Huỳnh V và bị cáo Phạm Văn Đồng T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo. Đồng thời, áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt tại bản án 01/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với bị cáo V.

Luật sư Lê Hoàng Nhân bào chữa cho bị cáo Võ Thanh D, có quan điểm: Quá trình thu thập chứng cứ cơ quan tiến hành tố tụng có vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên có nhiều tài liệu không được dùng làm căn cứ buộc tội bị cáo Võ Thanh D. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát cho rằng cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Phước L có vi phạm nhưng không làm thay đổi nội dung vụ án và đã được giải trình là không có căn cứ, gây oan sai cho bị cáo D.

Luật sư Tạ Nguyệt Thanh bào chữa cho bị cáo Võ Thanh D, có quan điểm: Quá trình điều tra có nhiều vi phạm trong thu thập chứng cứ; Vật chứng vụ án được thu giữ là súng K54 nhưng kết quả giám định là súng Colt 45 như vậy đâu là đối tượng phạm tội; Nếu có việc giao nhận súng giữa bị cáo H và bị cáo D thì giao nhận địa điểm nào, vì lời khai các bị cáo có nhiều địa điểm khác nhau. Mặt khác, các bị cáo xác định chỉ nhận dạng súng qua hình ảnh nên không đảm bảo tính khách quan vụ án. Quá trình điều tra không chứng minh được bị cáo Võ Thanh D đã thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo D không phạm tội.

Luật sư Lữ Minh Thuận bào chữa cho bị cáo Bùi Hoàng H, có quan điểm: Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm cho rằng việc thu hồi khẩu súng được thực hiện tại nhà bị cáo D nhưng không có biên bản, việc thu thập chứng cứ này là vi phạm tố tụng nên không được xem là chứng cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xác định chỉ nhận dạng súng qua hình ảnh nên việc nhận dạng này không khách quan, không đánh giá được sự thật của vụ án. Mặt khác, bị cáo H có quá trình công tác trong ngành công an nên có đủ kiến thức để phân biệt được súng K54 hay loại súng Colt 45. Bị cáo H thừa nhận có mua khẩu súng K54 của bị cáo Nguyễn Giang C nhưng kết quả giám định xác định súng được thu giữ là loại súng Colt 45. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Hoàng H không phạm tội.

Bị cáo Bùi Hoàng H bào chữa cho rằng: Khẩu súng bị cáo mua từ bị cáo C và bị cáo T là loại súng K54. Nhưng kết quả giám định thể hiện súng được cơ quan điều tra thu giữ là súng Colt 45, đây không phải là khẩu súng bị cáo đã mua. Do đó, bị cáo không phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Bị cáo Võ Thanh D, Bùi Hoàng H khiếu nại cho rằng trong quá trình điều tra Điều tra viên đã ép buộc, hướng dẫn các bị cáo khai nội dung sai sự thật. Tuy nhiên, tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, bị cáo D và bị cáo H đều xác định được Điều tra viên ghi lời khai, hỏi cung khi các bị cáo có đủ sức khỏe, tự nguyện khai báo không bị ép cung nên các bị cáo khiếu nại như trên là không có căn cứ. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với điều tra viên Nguyễn Duy Cường, Nguyễn Văn Tại đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 03 nhưng vắng mặt. Xét thấy, đối với việc không trùng khớp về thời gian thực tế bị cáo Bùi Hoàng H giao nộp khẩu súng với biên bản thu giữ vật

chứng đã được điều tra viên giải trình nên việc vắng mặt của điều tra viên không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt điều tra viên Nguyễn Duy C, Nguyễn Văn T.

[3] Xét về địa điểm giao nhận súng; thời gian, địa điểm thu giữ súng và loại súng là vật chứng của vụ án:

[3.1] Về địa điểm giao nhận súng giữa bị cáo H và bị cáo D: Lúc đầu bị cáo H khai giao nhận súng gần quán 52 ngoài quảng lộ Phụng H, sau đó lại khai giao súng tại nhà bị cáo D; Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo H cho rằng bị cáo không có bán súng cho bị cáo D. Quá trình điều tra, bị cáo H khai nhận, khi đến nhà bị cáo D đưa súng thì để súng trong bọc màu đen. Lời khai trên của bị cáo H là phù hợp với lời khai bị cáo Võ Thanh D. Bởi lẽ, bị cáo D cũng thừa nhận bị cáo H đến nhà và để lại bọc màu đen, tuy nhiên bị cáo D nghĩ là bị cáo H để quên, bị cáo không mở ra xem là vật gì và đem đi cất dùm; đợi đến khi nào bị cáo H đến sẽ trả lại. Khi bị cáo H gọi điện đem giao khẩu súng thì bị cáo D đem súng để ngoài sọt rác. Như đã nhận định trên (phần [1]), lời khai của các bị cáo là tự nguyện khách quan. Do đó, có cơ sở xác định địa điểm bị cáo Bùi Hoàng H giao súng cho bị cáo Võ Thanh D là tại nhà bị cáo D.

[3.2] Về thời gian thu giữ súng thực tế khác so với biên bản thu giữ, vấn đề này đã được điều tra viên giải trình. Giải trình của điều tra viên là phù hợp với lời khai người chứng kiến niêm phong là Dương Minh H và bị cáo Phạm Văn Đồng T. Do đó, có căn cứ xác định việc đi thu hồi súng, lập biên bản thu giữ và niêm phong súng là có xảy ra trên thực tế và được thực hiện sau 22 giờ ngày 06/4/2019.

[3.3] Về địa điểm thu giữ khẩu súng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Võ Thanh D xác định tất cả nội dung lời khai, xác nhận của bị cáo trong quá trình điều tra kể từ khi có luật sư bị cáo tham gia đều trung thực khách quan, đúng sự thật. Tại biên bản hỏi cung ngày 16/7/2019 bị cáo Võ Thanh D xác định: *“Khoảng 22 giờ, không nhớ rõ ngày H có gọi điện nói tao để quên bọc nilong màu đen trong đó có cây súng, mày trả lại tao. D đến chỗ để bọc nilong và mở bọc nilong ra xem và nhìn thấy súng...sau đó tôi mang bọc nilong màu đen có chứa đựng khẩu súng bỏ vào sọt rác đối diện nhà tôi”*. Khi lấy lời khai trên có luật sư bào chữa cho bị cáo D tham gia nên bảo đảm trung thực, khách quan, hợp pháp. Lời khai của bị cáo D như đã nêu trên là phù hợp với lời khai bị cáo Bùi Hoàng H vì từ ngày 06/4/2019 cho đến khi kết thúc phiên tòa phúc thẩm và quá trình hủy án để điều tra lại đến ngày 05/01/2021, bị cáo H đều thừa nhận vào tối ngày 06/4/2019, bị cáo đi cùng với điều tra viên đến nhà bị cáo D để lấy khẩu súng về giao nộp cho công an. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo Bùi Hoàng H cùng điều tra viên đã thu giữ súng tại sọt rác đối diện nhà bị cáo Võ Thanh D.

[3.4] Về loại súng là đối tượng mua bán trong vụ án: Khẩu súng bị cáo Nguyễn Giang C bán cho bị cáo Bùi Hoàng H có phải là súng loại K54 hay không thì không phải do nhận thức chủ quan của các bị cáo và người tiến hành tố tụng trong quá trình lập biên bản thu giữ khẩu súng mà phải do cơ quan chuyên môn xác định. Bị cáo H xác định (BL2111) khẩu súng bị cáo mua của bị cáo C là khẩu súng bị cáo giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Phước L. Mặt khác, việc thu giữ khẩu súng và giao khẩu súng giám

định đều có ghi rõ ký hiệu của súng, thể hiện súng được thu giữ và súng được trưng cầu giám định là một khẩu súng. Tại Bản kết luận giám định số: 2022/C09B ngày 09/4/2019, của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Khẩu súng ngắn gửi giám định là vũ khí quân dụng, thuộc loại súng ngắn bán tự động Colt M1911A1 (hay Colt 45), xuất xứ Mỹ, cỡ nòng 11,43mm, bắn đạn cỡ (11,43x23mm), sử dụng để tiêu diệt mục tiêu trong phạm vi 50m*”. Do đó, có cơ sở khẳng định súng bị cáo Nguyễn Giang C bán cho bị cáo Bùi Hoàng H là loại súng Colt M1911A1 (hay Colt 45).

[4] Đối với bị cáo Võ Thanh D: Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung bị can trước ngày 16/7/2019 bị cáo đã thừa nhận có mua súng của bị cáo Bùi Hoàng H và mang cất giấu tại nhà. Đặc biệt, tại biên bản hỏi cung bị can ngày 13/4/2019 bị cáo còn khẳng định “*Tại các biên bản ghi lời khai, tờ tự khai là do bị can tự khai, tự viết. Không ai ép buộc, bức cung, nhục hình, cũng không ai hướng dẫn bị can khai viết. Bị can đã được nghe đọc lại nội dung ghi trong biên bản đúng lời bị can đã khai trên thực tế bị can đã được nhận dạng cây súng mua từ H và xác nhận cây súng bị cơ quan công an tạm giữ do H giao nộp đúng là cây súng bị can đã mua từ Bùi Hoàng H*”. Mặt khác, tại “Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ” ngày 06/11/2019 (BL406-407) nghe nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo Võ Thanh D và bị cáo Bùi Hoàng H; Bị cáo D thừa nhận nội dung cuộc gọi là bị cáo H kêu bị cáo đưa lại súng. Việc thu thập đoạn ghi âm là có vi phạm tố tụng nhưng đã được chuyển hóa chứng cứ thành biên bản, được các bị cáo thừa nhận về nội dung; Biên bản có sự tham gia của luật sư bào chữa cho bị cáo D - Luật sư Tạ Nguyệt Thanh xác nhận “*Tôi chứng kiến toàn bộ quá trình mở và đóng niêm phong. Tôi xác nhận toàn bộ nội dung trong biên bản là đúng nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*” nên việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất nội dung đoạn ghi âm. Thời điểm này, bị cáo chưa bị khởi tố bị can nên không ai ép buộc bị cáo phải khai nhận, vì vậy nội dung lời trình bày trên của bị cáo là tự nguyện, khách quan. Từ thời điểm hỏi cung bị can ngày 16/7/2019 và trong suốt quá trình tố tụng về sau, bị cáo D thay đổi lời khai, qua đó xác định không mua súng từ bị cáo Bùi Hoàng H. Lý do của việc thay đổi lời khai là “do bản thân bị khủng hoảng, thiếu hiểu biết, mất yếu và lo sợ do mới bị bắt nên chưa khai báo chính xác, đúng sự thật”. Sau đó, bị cáo lại cho rằng bị điều tra viên ép buộc, hướng dẫn khai. Như vậy, bị cáo chưa có sự nhất quán về lý do thay đổi lời khai; Điều đó chứng minh việc bị cáo thay đổi lời khai là nhằm trốn tránh trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm của mình. Do đó, bị cáo Võ Thanh D thay đổi lời khai, xác định không mua súng từ bị cáo Bùi Hoàng H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với bị cáo Bùi Hoàng H: Vụ án do cơ quan điều tra công an huyện Phước L và Cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Bạc Liêu điều tra. Tại hai cơ quan điều tra bị cáo Bùi Hoàng H đều thừa nhận sau khi mua súng từ bị cáo Nguyễn Giang C bị cáo đã bán lại cho bị cáo Võ Thanh D. Do đó, kể từ ngày 04/02/2021 bị cáo cho rằng quá trình điều tra, điều tra viên Cường thuộc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phước L hướng dẫn nên mới khai nội dung trên là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Như đã nhận định trên, bị cáo Võ Thanh D và bị cáo Bùi Hoàng H thay đổi lời khai, cùng xác định bị cáo Bùi Hoàng H không bán khẩu súng cho bị cáo Võ

Thanh D là không có căn cứ chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng giữa tháng 03/2019, bị cáo Nguyễn Giang C lấy khẩu súng, qua giám định là loại súng ngắn bán tự động Colt M1911A1 (hay Colt 45), do ông Nguyễn Minh T cất giữ trái phép rồi nhờ bị cáo Phạm Văn Đồng T tìm người để bán. Khẩu súng được bị cáo C gửi bị cáo Huỳnh V giữ. Sau đó, thông qua bị cáo Phạm Văn Đồng T và bị cáo Huỳnh V, bị cáo Nguyễn Giang C đã bán khẩu súng trên cho bị cáo Bùi Hoàng H với số tiền 4.000.000 đồng. Ngay sau khi mua khẩu súng từ bị cáo Nguyễn Giang C, bị cáo Bùi Hoàng H đã bán lại cho bị cáo Võ Thanh D với số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo Võ Thanh D mua khẩu súng cất giữ đến ngày 06/4/2019 thì mang khẩu súng bỏ vào sọt rác trước nhà, bị cáo Bùi Hoàng H lấy giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Phước L.

[7] Bị cáo Võ Thanh D, Huỳnh V đã thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; các bị cáo Bùi Hoàng H, Nguyễn Giang C và bị cáo Phạm Văn Đồng T đã thực hiện hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng. Vì vậy, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phước L đã xử phạt bị cáo Võ Thanh D và bị cáo Huỳnh V về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; Xử phạt các bị cáo Nguyễn Giang C, Bùi Hoàng H, Phạm Văn Đồng T về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[8] Do đó, bị cáo Võ Thanh D, Bùi Hoàng H kháng cáo kêu oan là không có căn cứ chấp nhận. Về hình phạt, bị cáo Võ Thanh D là người có nhân thân không tốt, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bị cáo Bùi Hoàng H có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Võ Thanh D 03 năm tù, xử phạt bị cáo Bùi Hoàng H 02 năm tù là phù hợp với tội danh, khung hình phạt mà điều luật đã quy định, có như thế mới có thể răn đe, giáo dục ý thức tuân theo pháp luật của các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm.

[9] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đồng T và bị cáo Huỳnh V, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù. Bị cáo Huỳnh V đã thực hiện 02 hành vi là tàng trữ và mua bán trái phép vũ khí quân dụng; bị cáo Phạm Văn Đồng T thực hiện hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Từ đó, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo V 01 năm 06 tháng tù, bị cáo T 01 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Vì vậy, giai đoạn phúc thẩm bị cáo Huỳnh V có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nhưng chỉ là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cũng không thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo Phạm Văn Đồng T chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[10] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh D, Bùi Hoàng H, Huỳnh V và bị cáo Phạm Văn Đồng T và quan điểm bào chữa của Luật sư. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm

sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

[11] Các bị cáo Võ Thanh D, Bùi Hoàng H, Huỳnh V và bị cáo Phạm Văn Đồng T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[12] Đối với thời hạn tạm giữ của bị cáo Võ Thanh D: Bản án sơ thẩm xác định thời gian tạm giữ của bị cáo D chưa chính xác nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể: Bị cáo Võ Thanh D bị tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 13/4/2019.

[13] Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh D (D Tiền Giả), Bùi Hoàng H, Huỳnh V (V A) và bị cáo Phạm Văn Đồng T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh D (D Tiền Giả), Huỳnh V (Vũ Anh), phạm tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”, các bị cáo Bùi Hoàng H, Phạm Văn Đồng T, phạm tội “*Mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 304; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh D (D Tiền Giả) 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 13/4/2019.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh V (V A) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng H 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đồng T 01 (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

7. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị

cáo Võ Thanh D (D Tiền Giả), Bùi Hoàng H, Huỳnh V (V A) và bị cáo Phạm Văn Đồng T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQTHA hình sự huyện Phước L (01b);
- CQĐT huyện Phước L (01b);
- VKSND huyện Phước L (01b);
- TAND huyện Phước L (02b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS huyện Phước L (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Các bị cáo (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quang Khang